

Kinh Pháp Cú

KINH PHÁP CÚ

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Trảng Thi - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: (024) 37822845

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH THÁI HÀ

119 C5 Tô Hiệu - Cầu Giấy - Hà Nội

Tel: (024) 3793 0480

Fax: (024) 6287 3238

Website: www.thaihabooks.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: Nguyễn Hữu Có

Chịu trách nhiệm nội dung:

Q. Tổng Biên tập Lê Hồng Sơn

Biên tập viên nhà xuất bản: Nguyễn Thị Thanh Thủy

Biên tập viên: Mỹ Hạnh

Trình bày: Đàm Oanh

Sửa bản in: Nguyễn Minh

Thiết kế bìa:

In 2.000 cuốn, khổ 7.5 x 10.5cm

Kinh Tạng Nikaya

Kinh Pháp Cú

- HT. Thích Minh Châu dịch -



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Lời giới thiệu

Kinh Pháp Cú Dhammapada bao gồm 423 bài kinh ngắn, súc tích và ý nghĩa, giúp người đọc tự giác ngộ ở các mức độ khác nhau, tự thấy bớt khổ đau. Đọc xong mỗi bài kinh ngắn, chúng ta thật sự bước những bước vững chắc trên con đường giải thoát. Bản thân tôi đã rất xúc động và học thuộc lòng nhiều bài trong



Kinh Pháp Cú. Có những bài phải mất nhiều năm tôi mới hiểu được thông điệp lời dạy của Đức Phật.

Nhận thấy những giá trị bất hủ của Kinh, đề tri ân người thầy vĩ đại và vô cùng đáng kính của chúng tôi, Hoà thượng Thích Minh Châu, người đã dày công dịch Kinh Nikaya ra tiếng Việt, trong đó có Kinh Pháp Cú súc tích và thâm sâu này, chúng tôi phát tâm ấn tống và xin tặng Kinh cho bất cứ ai

đủ duyên. Ngưỡng mong quý vị cảm nhận được Pháp lạc ngay trong từng bài kinh.

Tiến sĩ Nguyễn Mạnh Hùng
Chủ tịch Công ty Cổ phần
Sách Thái Hà.



Trích lời Hòa thượng Thích Minh Châu:

“Tôi dịch tập Dhammapada ra tiếng Việt để cúng dường Phật đản 2513 (1969). Quyển kinh Dhammapada thuộc tập Khud daka Nikaya (Tiểu bộ kinh) được xem như quyển Thánh kinh trong Phật giáo và trở thành một trong những tập sách được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trong kinh sách Phật giáo. Không những 423



bài kệ trong kinh này tóm tắt tinh hoa giáo lý đức Phật, nhưng nhiều bài kệ đã trở thành những lời dạy chính đức Phật thân thuyết. Và đọc những bài kệ này, chúng ta cảm thấy như thân nghe chính lời Phật dạy từ hơn 2600 năm vang lại. Giá trị bất hủ của tập Dhammapada là ở chỗ này, và ta cảm thấy không còn sợ trung gian của các vị Tổ sư kết tập kinh điển.



Chúng tôi cho dịch theo thể kệ năm chữ một, để thật trung thành với nguyên văn, và quý vị sẽ thấy rõ sự cố gắng của chúng tôi, đã dịch hết sức sát với nguyên văn, và nhiều bài kệ có thể xem không thêm, không bớt, một chữ Pali, chúng tôi cũng cố gắng tôn trọng đến mức tối đa. Vì đây là thể kệ chứ không phải là thể thơ nên không có thi hóa trong bản dịch của tôi.



Dịch tập Dhammapada này ra thể kệ, chúng tôi chỉ có một tâm nguyện mong sao những lời dạy này của đức Phật sẽ soi sáng dẫn đường cho mọi hành động, tâm tư, ngôn ngữ của chúng ta. Và ở trong một thời đại đầy máu lửa đau thương nước mắt, đầy những phân hóa, hỗn tạp, hận thù này, những lời dạy này của đức Phật xoa dịu một phần nào cho tâm tư đã quá căng thẳng hay buồn nản của con người Việt Nam, làm



*con người Phật tử trở lại con
người Phật tử.”*

Vạn Hạnh ngày Phật Đản
2513 (1969)
Tỳ Kheo Thích Minh Châu
Viện Trưởng Viện Đại Học
Vạn Hạnh



Phần 1 từ câu kệ 01 - 20

PHẨM SONG YẾU

1. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.
2. Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,



An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.

3. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi
Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.
4. Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi,
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.
5. Với hận diệt hận thù,
Đời này không có được



Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.

6. Và người khác không biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm.
7. Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió.



8. Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió.
9. Ai mặc áo cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.
10. Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa.



11. Không chân, tưởng
chân thật,
Chân thật, thấy không chân:
Họ không đạt chân thật,
Do tà tư, tà hạnh.
12. Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết
không chân.
Họ đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh.
13. Như ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập.



14. Như ngôi nhà khéo lợp,
Mưa không xâm nhập vào,
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập.

15. Nay sầu, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm.

16. Nay vui, đời sau vui,
Làm phước, hai đời vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm.

17. Nay than, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
Than rằng: “Ta làm ác”
Đọa cõi dữ, than hơn.

18. Nay sướng, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Nó sướng: “Ta làm thiện”,
Sanh cõi lành, sướng hơn.

19. Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh.



20. Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tĩnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh.



Phần 2 từ câu kệ 21 - 32

PHẨM KHÔNG PHÓNG DẬT

21. Không phóng dật,
đường sống,
Phóng dật là đường chết.
Không phóng dật,
không chết,
Phóng dật như chết rồi.
22. Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui hạnh bậc Thánh.



23. Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn.
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng.
24. Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày
tăng trưởng.
25. Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.



26. Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.
27. Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiền định,
Đạt được an lạc lớn.
28. Người trí đẹp phóng dật,
Với hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sâu, nhìn khổ sâu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng.



29. Tinh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn.
30. Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật,
được khen;
Phóng dật, thường bị trách.
31. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thieu kiết sử lớn nhỏ.



32. Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thối đọa,
Nhất định gần Niết Bàn.



Phẩm 3 từ câu kệ 33 - 43

PHẨM TÂM

33. Tâm hoảng hốt dao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên.
34. Như cá quăng lên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vùng vẫy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma.
35. Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.



Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.

36. Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến.
37. Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trói buộc.
38. Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,



Tịnh tín bị rung động,
Trí tuệ không viên thành.

39. Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi.

40. Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham.

41. Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,

Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng.

42. Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân.

43. Điều mẹ, cha, bà con,
Không có thể làm được,
Tâm hướng chánh làm được,
Làm được tốt đẹp hơn.



Phẩm 4 từ câu kệ 44 - 59

PHẨM HOA

44. Ai chinh phục đất này,
Dạ-ma thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

45. Hữu học chinh phục đất,
Dạ-ma thiên giới này,
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa.

46. Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,



Bỏ tên hoa của Ma,
Vượt tầm mắt Thần chết.

47. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị Thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ.

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục.

49. Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,



Che chở hoa, lầy nhụy.
Bạc Thánh đi vào làng.

50. Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm.

51. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả.

52. Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;

Cũng vậy, lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.

53. Như từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.
Cũng vậy, thân sanh tử,
Làm được nhiều việc lành.

54. Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người
đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời.



55. Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng.

56. Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức
hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới.

57. Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường.



58. Như giữa đồng rác nhớp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người.

59. Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí.



Phẩm 5 từ câu kệ 60 - 75

PHẨM NGU

60. Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chọn diệu pháp.
61. Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu.
62. Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,



Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu.

63. Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu.
64. Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được
Chánh pháp,
Như muông với vị canh.
65. Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,



Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh.

66. Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay.

67. Nghiệp làm không
chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực.

68. Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,



Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực.

69. Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,
Người ngu chịu khổ đau.

70. Thảng thảng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi.

71. Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,



Cháy ngằm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy.

72. Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan.

73. Ưa danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tử kheo,
Ưa quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính.

74. Mong cả hai Tăng, tục,
Nghĩ rằng: “Chính ta làm,

Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta”
Người ngu nghĩ như vậy
Dục và mạn tăng trưởng.

75. Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu hạnh viễn ly.



Phẩm 6 từ câu kệ 76 - 89

PHẨM HIỀN TRÍ

76. Nếu thấy bậc hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.
77. Những người hay
khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.



78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.
79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,
Với pháp bậc Thánh thuyết.
80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.



81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào dao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không dao động.

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không
khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.



84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.
Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,



Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập giác chi,



Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.
Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.



Phẩm 7 từ câu kệ 90 - 99

PHẨM A-LA-HÁN

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.
91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.
92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liêu tri,



Tự tại trong hành xứ,
Không vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng giải thoát.
Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.
94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trừ, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.



95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xã ly
Vị ấy thật tối thượng.



98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.



Phẩm 8 từ câu kệ 100 - 115

PHẨM NGÀN

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,

Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thần, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên



Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tể tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tể tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường bậc tự tu.



Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tể tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Đề cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư
Kính lễ bậc chánh trực.

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác giới, không thiện định,



Không bằng sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định.

Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiền định.
Tốt hơn sống một ngày,
Có tuệ, tu thiền định.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác không tinh tấn,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sinh diệt,



115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp tối thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

Phẩm 9 từ câu kệ 116 - 128

PHẨM ÁC

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn tâm làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều ác,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều thiện,
Nên tiếp tục làm thêm.



Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.

Khi ác chưa chín muồi,
Khi ác nghiệp chín muồi,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,

Khi thiện chưa chín muồi.
Khi thiện được chín muồi,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,

Cho rằng chưa đến mình,

Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện

Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,

Người buôn tránh
đường hiểm.



Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích,
tránh độc,
Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,



Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay thần chết.



Phẩm 10 từ câu kệ 129 - 145
PHẨM HÌNH PHẠT

129. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thích sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,

Để tìm lạc cho mình,
Đòi sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng
hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đòi sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản
chạm mình.



134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phần nộ.

135. Với gậy, người chẵn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ;
Cũng vậy, già và chết,
Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm.
Do tự nghiệp, người ngu
Bị nung nấu, như lửa.



137. Dùng trượng phạt
không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội;
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.



140. Hoặc phòng ốc nhà cửa
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lửa thê
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,

Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là Phạm-chí,
Hay Sa-môn, khát sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người biết then, tự chế,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. Như ngựa hiền chạm roi,
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.



145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.



Phẩm 11 từ câu kệ 146 - 156

PHẨM GIÀ

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu?
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không tìm ngọn đèn?

147. Hãy xem bong bóng đẹp,
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. Sắc này bị suy già,
Ồ tật bệnh, mỏng manh,



Nhóm bất tịnh, đồ vớ,
Chết chằm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vắt bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm
bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.

Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng tuệ không
tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. Ôi! Người làm nhà kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không Phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá.



156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền;
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.



Phẩm 12 từ câu kệ 157 - 166

PHẨM TỰ NGÃ

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.
158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới giáo hóa người,
Người trí khỏi bị nhiễm.
159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.



Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.
161. Điều ác tự mình làm,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghien nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.
162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây



Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. Dễ làm, các điều ác,
Dễ làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc
Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.



165. Tự mình, điều ác làm,
Tự mình làm nhiễm ô
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình,
Không ai thanh tịnh ai!

166. Chớ có theo pháp hạ liệt,
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.



Phẩm 13 từ câu kệ 167 - 178

PHẨM THẾ GIAN

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi
Nhờ thắng tri tư lợi,
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh
hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.



169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh
hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.



172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.



175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời;
Chiến thắng Ma, Ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vọng ngữ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét bố thí,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.



178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tối thắng.



Phẩm 14 từ câu kệ 179 - 196
PHẨM PHẬT ĐÀ

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới tham,
Ái phục hết dặt dãn,
Phật giới rộng mênh mông,



Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc chánh giác chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,

Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy:
Nhẫn, khổ hạnh tối thượng,
Niết Bàn, quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng
thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.



186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các đục khó thỏa mãn.
Đục đặng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu đục lạc,
Dầu là đục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.



189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau?

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được bốn Thánh đế.

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy đường Thánh
tám ngành,
Đưa đến khổ não tận.



192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, Phật ra đời!
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!



195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.



Phẩm 15 từ câu kệ 197 - 208

PHẨM AN LẠC

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau!
Giữa những người
bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,

Không rộn giữa rộn ràng;
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì, gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. Lửa nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?



Khô nào sánh khô uẩn,
Lạc nào bằng tịnh lạc.

203. Đói ăn, bệnh tới thượng,
Các hành, khô tới thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tới thượng.

204. Không bệnh, lợi tới thượng,
Biết đủ, tiền tới thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tới thượng.
Niết Bàn, lạc tới thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,



Không sợ hãi, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy thánh nhân,
Sống chung thường
hưởng lạc.
Không thấy những
người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.
Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.



Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Do vậy:

Bậc hiền sĩ, trí tuệ
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân;
Hãy gần gũi, thân cận
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.



Phẩm 16 từ câu kệ 209 - 220

PHẨM HỖ ÁI

209. Tự chuyên, không

đáng chuyên

Không chuyên,

việc đáng chuyên.

Bỏ đích, theo hỷ ái,

Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,

Trọn đời xa kẻ ghét.

Yêu không gặp là khổ,

Oán phải gặp cũng đau.



211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác;
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do ái sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. Ái luyến sinh sầu ưu,
Ái luyến sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyến
Không sầu, đâu sợ hãi?



214. Hỷ ái sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi.
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. Dục ái sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. Tham ái sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi.
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?



217. Đủ giới đức, chánh kiến;
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng pháp ly ngôn
Ý cảm xúc thượng quả
Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.



220. Cũng vậy các
phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia.
Như thân nhân, đón chào.



Phẩm 17 từ câu kệ 221 - 234

PHẨM PHẦN NỘ

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước danh sắc.
Khổ không theo vô sản.

222. Ai chặn được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy không giận thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,



Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chơn thắng hư ngụy.

224. Nơi thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bạc hiên không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường
giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,



Chuyên tâm hướng
Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. Xưa, vị lai, và nay,
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.



229. Sáng sáng, thẩm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán.
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ giới định tuệ.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư Thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ thân đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.



232. Giữ lời đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ ý đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. Bạc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.



Phẩm 18 từ câu kệ 235 -255

PHẨM CẦU UẾ

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. Hãy tự làm hòn đảo
Tĩnh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đời người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.



Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp sáng suốt.
Trừ cầu uest, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. Bậc trí theo tuần tự.
Từng sát na trừ dần.
Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uest nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,



Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cõi ác.

241. Không tụng làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uest người canh.

242. Tà hạnh như đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uest ấy,
Vô minh, như tối thượng,



Đoạn như ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. Dễ thay, sống không hổ
Sống lỗ mẫn như quạ,
Sống công kích huênh
hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiễm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu
thanh tịnh.
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.



246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác.
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.



249. Do tín tâm, hỷ tâm

Loài người mới bồ thí.

Ở đây ai bất mãn

Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,

Không đạt được tâm định?

250. Ai cắt được, phá được,

Tận gốc nhỏ tâm ấy.

Người ấy ngày hoặc đêm,

Đạt được tâm thiền định.

251. Lửa nào bằng lửa tham!

Chấp nào bằng sân hận!



Lưới nào bằng lưới si!

Sông nào bằng sông ái!

252. Dễ thay thấy lỗi người,

Lỗi mình thấy mới khó.

Lỗi người, ta phanh tìm,

Như sàng trấu trong gạo,

Còn lỗi mình, che đậy,

Như kẻ gian giấu bài.

253. Ai thấy lỗi của người,

Thường sanh lòng chỉ trích,

Người ấy lậu hoặc tăng,

Rất xa lậu hoặc diệt.



254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa-môn,
Chúng sanh thích hý luận,
Như Lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa-môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không dao động.



Phẩm 19 từ câu kệ 256 - 272

PHẨM PHÁP TRỤ

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt
Cả hai chánh và tà!

257. Không chuyên chế,
đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.



258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí.
An ổn, không oán sợ.
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành
đúng pháp,
Không phóng túng
Chánh pháp,
Mới xứng danh trì pháp.



260. Không phải là trưởng lão,
Nếu cho có bạc đầu.
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là Lão ngu.

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh Trưởng Lão.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người
lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.



263. Ai cắt được, phá được
Tận gốc nhỏ tâm ấy
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa-môn
Nếu phóng túng, nói láo.
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là Sa-môn.



266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời
Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ?
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.



269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ản sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ản sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền thánh.
Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiên định,
Sống thanh vắng một mình.



272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.
Tỷ kheo, chớ tự tín
Khi lậu hoặc chưa diệt.



Phẩm 20 từ câu kệ 273 - 289

PHẨM ĐẠO

273. Tám ngành, đường thù thắng,

Bốn câu, lý thù thắng.

Ly tham, pháp thù thắng,

Giữa các loài hai chân,

Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không

đường khác

Đưa đến kiến thanh tịnh.

Nếu Người theo đường này,

Ma quân sẽ mê loạn.



275. Nếu Người theo đường này,

Đau khổ được đoạn tận.

Ta dạy Người con đường.

Với trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,

Như Lai chỉ thuyết dạy.

Người hành trì thiền định

Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành vô thường

Với Tuệ, quán thấy vậy

Đau khổ được nhàm chán;

Chính con đường thanh tịnh.



278. Tất cả hành khổ đau
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán;
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp vô ngã,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng lười
Chí nhu nhược, biếng nhác.
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?



281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo Thánh nhân dạy.

282. Tu thiện, trí huệ sanh,
Bỏ Thiện, trí tuệ diệt.
Biết con đường hai ngã
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây
Từ rùng, sinh sợ hãi;



Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt dây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây
Đông, hạ cũng ở đây,



Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lựu trôi làng ngủ.

288. Một khi Tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết Bàn.



Phẩm 21 từ câu kệ 290 - 305

PHẨM TẠP LỤC

290. Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.
291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng
Không sao thoát hận thù.
292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,



Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng, cần mẫn,
Thường thường quán
thân niệm,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người tư niệm giác tỉnh,
Lậu hoặc được tiêu trừ.
294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hại Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần
Vô ưu, Phạm Chí sống.



295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hồ tướng thứ năm
Vô ưu, Phạm Chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Phật đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Chánh pháp
thường niệm.



298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng Tăng-già
thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.



301. Đệ tử Gotama,

Luôn luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia khó,

Tại gia sinh hoạt khó,

Sống bạn không đồng, khổ,

Trôi lăn luân hồi, khổ,

Vậy chớ sống luân hồi,

Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh

Đủ danh xưng tài sản,

Chỗ nào người ấy đến,

Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa

Sáng tỏ như núi tuyết,

Người ác dầu ở gần

Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.

Độc hành không buồn chán,

Tự điều phục một mình

Sống thoải mái rừng sâu.



Phẩm 22 từ câu kệ 306 - 319

PHẨM ĐỊA NGỤC

306. Nói láo đọa địa ngục
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác cà-sa,
Ác hạnh không nhiếp phục.
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt
Cháy đỏ như lửa hừng,



Hơn ác giới, buông lung
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người;
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chớ theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay



Hạnh Sa-môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng dăng
buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm
Làm cùng tận khả năng
Xuất gia sống phóng dăng,
Chi tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,



Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,
Trong ngoài đều phòng hộ
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát-na chớ buông lung.
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng hổ, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không.
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.



317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến.
Chúng sanh đi ác thú.
318. Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.
319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.



Phẩm 23 từ câu kệ 320 - 333

PHẨM VOI

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng.
Ác giới rất nhiều người.
321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cười,
Người luyện, bậc tối thượng
Chịu đựng mọi phỉ báng.
322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.



Đại tượng, voi có ngà.
Tự điều mới tôi thương.

323. Chẳng phải loài cuỡi ấy,
Đưa người đến Niết Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. “Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống.
Voi nhớ đến rừng voi.”

325. Người ưa ngủ, ăn lớn
Nằm lẫn lóc qua lại,



Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc.
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý.
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được bạn hiền trí
Đáng sống chung, hạnh lành,



Nhiếp phục mọi hiểm nguy
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. Không gặp bạn hiền trí.
Đáng sống chung, hạnh lành
Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt hơn sống một mình
Không người ngu kết bạn.
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.



331. Vui thay, bạn lúc cần!
Vui thay, sống biết đủ!
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn!

332. Vui thay, hiếu kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, kính Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trí tuệ,
Vui thay, ác không làm.



Phẩm 24 từ câu kệ 334 - 359

PHẨM THAM ÁI

334. Người sống đời phóng dật,

Ái tăng như dây leo.

Nhảy đời này đời khác,

Như vườn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,

Bị ái dục buộc ràng

Sầu khổ sẽ tăng trưởng,

Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này

Ái dục được hàng phục



Sầu rơi khỏi người ấy

Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,

Các Người tụ họp đây,

Hãy nhỗ tận gốc ái

Như nhỗ gốc cỏ Bi.

Chớ để ma phá hoại,

Như dòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,

Gốc chưa hại vẫn bền

Ái tùy miên chưa nhỗ,

Khổ này vẫn sanh hoài.



339. Ba mươi sáu dòng ái,
Trôi người đồn khả ái.
Các tư tưởng tham ái.
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như dây leo mọc tràn,
Thấy dây leo vừa sanh,
Với tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ ái dục,
Ưu thích các hỷ lạc.
Tuy mong cầu an lạc,
Chúng vẫn phải sanh già.



342. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Do vậy vị Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Lìa rừng lại hướng rừng
Thoát rừng chạy theo rừng.



Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng.
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc
Người trí xem chưa bền.
Tham châu báu, trang sức
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền.
Rì kéo xuống, mần xuống,
Nhưng thật sự khó thoát.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.



347. Người đắm say ái dục
Tự lao mình xuống dòng
Như nhện sa lưới dệt.
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vương lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm dây trói mình chặt.



350. Ai vui an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. Ái lìa, không chấp thủ.
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt từ vô ngại,
Hiểu thứ lớp trước sau.
Thân này thân cuối cùng



Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, Đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào.
Ta từ bỏ tất cả
Ái diệt, tự giải thoát.
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. Pháp thí thắng mọi thí!
Pháp vị thắng mọi vị!
Pháp hỷ thắng mọi hỷ!
Ái diệt đứt mọi khổ!



355. Tài sản hại người ngu.
Không người tìm bờ kia
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời.
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.



358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời.
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.



Phẩm 25 từ câu kệ 360 - 382

PHẨM Tỷ kheo

360. Lành thay, phòng hộ mắt,

Lành thay, phòng hộ tai,

Lành thay, phòng hộ mũi,

Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,

Lành thay, phòng hộ lời,

Lành thay, phòng hộ ý.

Lành thay, phòng tất cả.

Tỷ kheo phòng tất cả,

Thoát được mọi khổ đau.



362. Người chế ngự tay chân,

Chế ngự lời và đầu,

Vui thích nội thiền định.

Độc thân, biết vừa đủ,

Thật xứng gọi Tỷ kheo.

363. Tỷ kheo chế ngự miệng,

Vừa lời, không cống cao,

Khi trình bày pháp nghĩa,

Lời lẽ dịu ngọt ngào.

364. Vị Tỷ kheo thích pháp,

Mến pháp, suy tư Pháp.

Tâm tư niệm chánh Pháp,

Không rời bỏ chánh Pháp.



365. Không khinh điều
mình được,
Không ganh người
khác được
Tỷ kheo ganh tị người,
Không sao chứng thiền định.

366. Tỷ kheo dẫu được ít,
Không khinh điều
mình được,
Sống thanh tịnh
không nhác,
Chư Thiên khen vị này.



367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp ta, của ta.
Không chấp, không sầu não.
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo trú từ bi,
Tín thành giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh.
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tắt thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau.
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết Bàn.



370. Đoạn năm, từ bỏ năm
Tu tập năm tối thượng
Tỷ kheo vượt năm ái
Xứng danh vượt bậc lưu.

371. Tỷ kheo, hãy tu Thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuột sắt nóng
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn.



373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tụ tập pháp căn bản
Hộ căn, biết vừa đủ,
Gìn giữ căn bản giới,



Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang.
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.

377. Như hoa vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo Thiền tịnh



Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,



Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.



Phẩm 26 từ câu kệ 383 - 423

PHẨM BÀ-LA-MÔN

383. Hỡi này Bà-la-môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là bậc vô vi.

384. Nhờ thường trú hai pháp
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử dứt sạch.



385. Không bờ này, bờ kia
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu Thiền, trú ly trần
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm.
Khí giới sáng Sát-ly,
Thiền định sáng Phạm Chí.



Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. Dứt ác gọi Phạm Chí,
Tịnh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi bậc xuất gia.

389. Chớ có đập Phạm Chí!
Phạm Chí chớ đập lại!
Xấu thay đập Phạm Chí
Đập trả lại, xấu hơn.

390. Đổi vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ.



Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chặn đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết chánh pháp
Bậc Chánh Giác
thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm Chí thờ lửa.



393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đóng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng.
Ta gọi Bà-la-môn.



396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh.
Chỉ được gọi tên suông
Nếu tâm còn phiền não.
Không phiền não, chấp trước
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ
Không đắm trước buộc ràng
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,



Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phạm,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,



Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,



Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch
Ôn hòa giữa hung hăng.
Không nhiễm, giữa
nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.



407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu
Phàm không cho,
không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.



410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch không bụi
Ta gọi Bà-la-môn.



413. Như trăng, sạch không uế
Sáng trong và tịnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

414. Vượt đường nguy
hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiền định
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn dục,
Bỏ nhà, sống xuất gia,

Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn ái
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài Người,
Vượt trói buộc cõi trời.
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y



Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo
vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài Trời, Người,
Cùng với Càn-thát-bà,
Không biết chỗ thọ sanh,

Lậu tận bậc La-hán.
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu, không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng,
không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.



423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc Mâu-ni đạo sĩ.
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà-la-môn.

Bài giảng này được HT Thích Minh Châu, giảng nhân dịp lễ Phật Đản 2521, tại Thiền Viện Vạn Hạnh, Sài Gòn, ngày 2-6-1977.

Hôm nay là ngày Lễ Phật Đản 2521, ngày kỷ niệm Đức Phật đản sanh ra đời, và theo truyền thống Nam Tông cũng là ngày kỷ niệm ngày Ngài giác ngộ và nhập Niết Bàn, các Phật tử năm châu đều vui mừng và hân hoan, đón mừng ngày Đại Lễ này và Phật tử Việt Nam chúng ta cũng chung niềm hân hoan ấy để đón mừng Đại Lễ. Có người đón mừng với



Đại Lễ, có người đón mừng với khóa kinh cầu nguyện, có người đón mừng với tâm hoan hỷ cúng dường. Phần chúng tôi đón mừng Đại lễ với công đức phiên dịch hai bộ kinh: Kinh Tăng Chi Bộ Kinh tập III và Kinh Pháp Cú (Dhammapada) trong Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikàya).

Và cũng với mục đích cúng dường Pháp trong dịp Đại Lễ Phật Đản năm nay, chúng tôi lựa chọn bản dịch Kinh Pháp Cú để trình bày nội dung và giới thiệu cùng quý vị và các Phật Tử, một bản



kinh Pàli, có thể nói được dịch ra cùng nhiều thứ tiếng nhất trên thế giới, một bản kinh được các vị Sa Di các nước theo Phật Giáo Nam Tông học thuộc lòng khi bước chân vào đời sống tu hành, một bài kinh có thể xem là chứa đựng một cách súc tích và trung thành nhất những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật.

Bộ Dhammapada tức là Pháp Cú gồm có 423 bài kệ (gàthà), chia thành 26 phẩm hay vagga, mỗi phẩm đặt trọng tâm vào một đề tài chính, như “Phẩm về Tâm” quy



tụ các câu kệ nói về Tâm, “Phẩm Không Phóng Dật” quy tụ các bài kệ nói về “Hạnh không phóng dật”.

Giá trị chính của Bộ Kinh Pháp Cú là ở chỗ kinh này chứa đựng một cách gọn ghẽ và đầy đủ giáo lý nguyên thủy của Đạo Phật, và những giáo lý này được trình bày dưới hình thức các bài kệ đơn giản và súc tích gồm phần lớn là 4 câu, thỉnh thoảng lên đến 6 câu và mỗi câu gồm có 8 âm đồng đều.

Hơn nữa, trong Tập Pháp Cú này, Đức Phật dùng phương pháp

định nghĩa và các ví dụ để trình bày giáo lý của mình, và chúng ta có thể nói Ngài vận dụng rất thành công hai phương pháp này, như đoạn sau sẽ nêu rõ.

Trước hết, Kinh Pháp Cú gồm có một số bài kệ có tính cách cách ngôn, diễn tả một số nhận xét chung về cuộc đời, về con người, không mang màu sắc tôn giáo, không có phân biệt quốc gia chủng tộc.

Ở đời, thật khó tránh khỏi bị chê như bài kệ khéo diễn tả:



“A-tu- la nên biết

Xưa vậy, nay cũng vậy:

Ngồi im, bị người chê,

Nói nhiều, bị người chê,

Nói vừa phải, bị chê.

Làm người không bị chê,

Thật khó tìm ở đời.”

(Pháp Cú 227)

Và tiếp theo, cùng một dòng
tư tưởng:

“Xưa, vị lai, và nay,

Đâu có sự kiện này:



Người hoàn toàn bị chê,

Người trọn vẹn được khen.”

(Pháp Cú 228)

Nhìn thái độ của loài người
đối với hận thù, Đức Phật đưa ra
nhận xét:

“Với hận diệt hận thù,

Đời này không có được,

Không hận diệt hận thù,

Là định luật ngàn thu.”

(Pháp Cú 5)

Rồi với lòng từ mẫn thương xót
chúng sanh, Ngài thấy rõ chúng



sanh ít người bỏ ác làm lành, ít người hướng tìm giải thoát:

“Ít người giữa nhân loại,

Đến được bờ bên kia.¹

Còn số người còn lại

Xuôi ngược chạy bờ này.”

(Pháp Cú 85)

Tuy vậy, với lòng tin tưởng ở khả năng hướng thượng của con người, Đức Phật nói đến hoa sen nở trên đồng rác bụi đời:

¹Bờ giải thoát



“Nhu giữa đồng rác nhóp,

Quăng bỏ giữa đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,

Thơm sạch, đẹp ý người.”

(Pháp Cú 58)

Cái nhìn của Đức Phật bao giờ cũng là cái nhìn hướng thượng, cái nhìn đến tiềm lực hiền thiện của con người khi Ngài nhìn thấy được hoa sen nở trên đồng rác bụi đời.

Tuy vậy, Ngài không bao giờ tránh né những hiện trạng đê nén trên kiếp sống con người, và đã là người thời làm sao tránh khỏi già,



tránh khỏi bệnh, tránh khỏi chết.
Như các câu kệ sau đây khéo
diễn tả cảnh già, cảnh bệnh,
cảnh chết làm bối cảnh cho đời
sống con người:

*“Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng có vui gì?”*

(Pháp Cú 149)

Hay:

*“Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ người,*



*Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.”*

(Pháp Cú 235)

Hoặc:

*“Vội gậy người chẵn bò
Lùa bò ra bãi cỏ,
Cũng vậy, già và chết
Lùa người đến mạng chung.”*

(Pháp Cú 135)

Khi nói đến con người bị già,
bị bệnh, bị chết Ngài phân tích
con người gồm có thân và tâm,
hai thành phần này đóng một vai



trò quan trọng trong đời sống con người. Và Ngài phân tích tính chất của thân và khả năng của thân:

*“Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng.”*

(Pháp Cú 41)

Tuy vậy, thân này không phải hoàn toàn vô dụng và đối với người có trí, thân sanh tử có thể làm được biết bao việc tốt:

*“Như từ một đống hoa,
Nhiều tràng hoa được làm,*



*Cũng vậy thân sanh tử,
Làm được nhiều thiện sự.”*

(Pháp Cú 53)

Và những ai biết quán thân như bọt nước, như huyễn cảnh, cũng có thể nhờ thân này được giác ngộ giải thoát. Đây là một chứng minh nữa về cái nhìn của Đức Phật đến tiềm lực hướng thượng của con người:

*“Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thân chết.”*

(Pháp Cú 46)



Gắn liền với thân là tâm ; và tâm là một cái gì khó nắm giữ, hay khinh động, hoảng hốt, khó hộ trì, khó nhiếp:

*“Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên.”*

(Pháp Cú 33)

Hay:

*“Khó nắm giữ khinh động,
Theo các dục, quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến.”*

(Pháp Cú 35)



Như vậy, chúng ta thấy rõ, tâm dẫn đầu các Pháp, tâm là tối thượng, tâm tạo tác ra thiện ác, đúng như hai bài kệ sau đây đã khéo diễn tả:

*“Ý dẫn đầu các Pháp,
Ý làm chủ, ý tạo.
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo.”*

(Pháp Cú 1)

Hay:

*“Ý dẫn đầu các Pháp,
Ý làm chủ, ý tạo.*



*Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình.”*

(Pháp Cú 2)

Sau khi nhận xét về thân tâm con người, những yếu điểm cũng như những ưu điểm thân phận con người, sau khi so sánh về kinh nghiệm bản thân, tự mình tìm nguyên nhân sanh tử, tự mình tìm được con đường giải thoát cho mình và tất cả chúng sanh, bỗng nhiên Đức Phật thốt lên những lời



cảm hứng như sau, những lời nói đầu tiên của Ngài sau khi Ngài giác ngộ:

*“Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.”*

(Pháp Cú 153)

Hay:

*“Ôi người làm nhà kia!
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa!*



*Đòn tay¹ người bị gãy,
Kèo cột² người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,
Tham ái thấy tiêu vong!”*

(Pháp Cú 154)

Và rồi Ngài nói lên một cách tóm tắt, nhưng hết sức chính xác và cô đọng, hướng đi chung cho con người, một bài kệ mà thường thường người đời cho là một câu đạo đức, khuyên bỏ ác làm lành, nhưng thật sự là một thái độ rất

dứt khoát giữa thiện và ác, một sự lựa chọn giữa đêm đen tượng trưng cho bất thiện, và trời sáng tượng trưng cho thiện pháp, và cũng là một con đường hướng thiện, một con đường độc đạo, (eko maggo), một phương pháp tu thân, đưa đến tự tâm chói sáng:

*“Không làm mọi điều ác,
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.”*

(Pháp Cú 183)

¹ Thân
² Phiến nảo



Bài kệ tiếp nói rõ hơn con đường ấy, với một vài chi tiết:

*“Không phải báng phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh.
Chuyên chú tăng
thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.”*

(Pháp Cú 185)

Chúng ta có thể nói, lời dạy đầu tiên của Đức Phật là chớ có làm điều ác, hay nói một cách

chính xác hơn, người Phật tử là người đã lựa chọn giữa thiện và ác, nhất định phải rời địa bàn của người ác và bước vào địa bàn của người thiện.

Đối với Ác, đối với bất thiện, cần có một nhhận định dứt khoát:

*“Tà hạnh như đàn bà,
Xan tham nhớp kẻ thí,
Ác pháp là vết như,
Đời này và đời sau.”*

(Pháp Cú 242)



Hay:

*“Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như than hồng,
Hơn ác giới buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.”*

(Pháp Cú 308)

Và sau đây, là những kết quả đang chờ đợi người làm ác, không thể nào tránh được:

*“Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.”*

(Pháp Cú 138)



Hay:

*“Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.”*

(Pháp Cú 139)

Hoặc:

*“Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt,
Khi thân hoại mạng chung
Ác tuệ sanh địa ngục.”*

(Pháp Cú 140)



Đối với các cư sĩ tại gia, Đức Phật nói lên tai hại đối với ai phá năm giới căn bản của người đệ tử tại gia:

*“Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.”*

(Pháp Cú 246)

Hay:

*“Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,*



*Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.”*

(Pháp Cú 247)

Và Đức Phật không quên nhắc nhở các vị Sa môn xuất gia, phải biết tôn trọng áo cà sa và gìn giữ giới hạnh:

*“Nhiều người khoác cà sa,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.”*

(Pháp Cú 307)



*“Như cỏ sa l vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.”*

(Pháp Cú 311)

Lời khuyên thời thật dễ dàng,
nhưng loài người đâu có dễ dàng
phục thiện. Vì con người, đã lâu
đời lâu kiếp bị những phiền não
căn bản nhiếp phục chi phối, như
bài kệ sau đây than trách:

¹ Cỏ Kusa



*“Lửa nào bằng lửa tham!
Chấp nào bằng sân hận!
Lưới nào bằng lưới si!
Sông nào bằng sông ái!”*

(Pháp Cú 251)

Và khi đã nói đến ái, nhất là
ái dục, thời thật là cả một đề tài
muôn điệu, mà đã là con người,
thật khó mà thoát ly. Và vì vậy,
thật không gì lạ, nếu Đức Phật đã
dành nhiều câu kệ cho ái dục:

*“Ái luyến sinh sầu ưu,
Ái luyến sinh sợ hãi,*



*Ai thoát khỏi luyến ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?”*

(Pháp Cú 213)

Và:

*“Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như dây leo.*

*Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.”*

(Pháp Cú 334)

Hay:

*“Như cây bị chặt đứt,
Gốc chưa hại, vẫn mọc,*



*Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.”*

(Pháp Cú 338)

*“Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục của gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.”*

(Pháp Cú 284)

Hoặc:

*“Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các dục khó thỏa mãn,
Dục chẳng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc Trí.”*

(Pháp Cú 186)



*“Dòng ái dục chảy khắp,
Như giây leo mọc tràn,
Thấy giây leo vừa sanh,
Với tuệ, hãy đoạn gốc.”*

(Pháp Cú 340)

Hoặc:

*“Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét,
Yêu không gặp là khổ.
Oán phải gặp cũng đau.”*

(Pháp Cú 210)

Tuy ái dục chinh phục con người như vậy, ràng buộc con người như vậy, nhưng với người

có trí, với người có nghị lực, vẫn có thể đối trị được dục ái và có thể được giải thoát:

*“Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt đứt nó,
Bỏ mọi khổ không màng.”*

(Pháp Cú 347)

Dù ái dục trói buộc con người nặng nề chặt chẽ như vậy, nhưng con người vẫn có thể thoát ly ái dục, nếu con người có ý chí, có nghị lực:



*“Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục.
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.”*

(Pháp Cú 336)

Ở đây, một lần nữa cái nhìn con người hướng thượng của Đức Phật được chứng minh cụ thể. Ái dục tuy là nguyên nhân của đau khổ, là nguồn gốc của sanh tử luân hồi, nhưng vô minh luôn luôn giữ vai trò chủ chốt:

*“Trong hàng cấu uế ấy,
Vô minh, như tối thượng.*



*Đoạn như ấy, tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm!”*

(Pháp Cú 243)

Hay:

*“Không chân, tưởng chân
thật,
Chân thật, thấy không chân:
Chúng không đạt chân thật,
Do tà tư tà hạnh.”*

(Pháp Cú 11)

Với hai bài kệ trên, chúng ta đã thấy vai trò chủ yếu của Vô minh và Tà kiến trong các nguồn



gốc phát sanh các hành vi bất thiện. Và như vậy chúng ta cũng không lạ gì khi Đức Phật khuyên chúng ta không nên tu khổ hạnh, không nên chuyên lo tế tự, vì những hành động này không dẫn chúng ta đến giác ngộ giải thoát:

*“Không phải sống lỏa thể,
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xổm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.”*

(Pháp Cú 141)



Hay:

*“Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời,
Không bằng một phần tư,
Kính lễ bậc chính trực.”*

(Pháp Cú 108)

Hoặc:

*“Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát
Cúng dường bậc tự tu.
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.”*

(Pháp Cú 107)



Khuyên tránh xa khổ hạnh, tế
tự, tuyệt thực, Đức Phật hướng dẫn
chúng ta ý thức được sự quan trọng
của nghiệp tức là hành động của
mình làm, vì chỉ có hành động mới
là quan trọng, mới là chủ yếu, như
bài kệ sau đây nêu rõ:

*“Tự mình, điều ác làm,
Tự mình, làm nhiễm ô.
Tự mình, ác không làm,
Tự mình, làm thanh tịnh.
Tịnh, không tịnh tự mình.
Không ai thanh tịnh ai!”*

(Pháp Cú 165)



Nói suông không đủ, lời nói
phải được việc làm đi theo mới
mong có kết quả:

*“Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc, nhưng không hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Không làm, không kết quả.”*

(Pháp Cú 51)

Hay:

*“Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc, lại thêm hương.
Cũng vậy, lời khéo nói,
Có làm, có kết quả.”*

(Pháp Cú 52)



Và đối với người xuất gia cũng vậy, thuyết pháp suông không đủ:

*“Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật,
Như kẻ chăn bò người,
Không phần Sa môn hạnh.”*

(Pháp Cú 19)

Như vậy, chỉ có hành động, chỉ có nghiệp là quan trọng, vì chính nghiệp mới đem lại kết quả tốt đẹp hay không tốt đẹp cho con người và người mới thật là chủ nhân của nghiệp, tác thành ra nghiệp, và khi nghiệp đã làm rồi,



thời không thể nào trốn tránh kết quả của nghiệp:

*“Không trên trời giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được quả ác nghiệp.”*

(Pháp Cú 127)

Hay:

*“Điều ác tự mình làm,
Tự mình sanh, mình tạo
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.”*

(Pháp Cú 161)



Do vậy, con đường duy nhất là
bỏ ác, tránh xa điều ác, và chớ có
khinh thường ác nhỏ!

*“Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người luôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.”*

(Pháp Cú 123)

*“Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng: ‘chưa đến mình’
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác.*



Do chất chứa dần dần.”

(Pháp Cú 121)

Và người đã làm ác, thời chờ
đợi là buồn khổ, sầu muộn và
than khóc:

*“Nay sầu, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uest mình làm.”*

(Pháp Cú 15)

Hay:

*“Nay than, đời sau than,
Kẻ ác hai đời than,*



Nó than: ‘Ta làm ác!’

Đọa cõi dữ, than hơn.”

(Pháp Cú 17)

Và do vậy, Đức Phật khuyên chúng ta hãy gấp làm điều lành, bỏ điều ác:

“Hãy gấp làm điều lành,

Ngăn tâm làm điều ác.

Ai chậm làm việc lành

Ý ưa thích việc ác.”

(Pháp Cú 116)

Bao giờ cũng vậy, lời khuyên của Đức Phật là lời khuyên của



các bậc cha lành (từ phụ) muốn con cháu làm lành tránh ác, và tin tưởng rằng con cháu mình có thể làm được khi đã chấp nhận lý thuyết nghiệp báo, khi đã phân biệt được thiện và ác khi đã cương quyết tránh xa không làm điều ác, thời chúng ta phải bước thêm một bước nữa. Tránh điều ác chưa đủ, cần phải làm điều lành, cần phải hành động lành!

“Chớ chê khinh điều thiện,

Cho rằng: ‘Chưa đến mình’,

Như nước nhỏ từng giọt,



Rồi bình cũng đầy tràn.

Người trí chứa đầy thiện,

Do chất chứa dần dần.”

(Pháp Cú 122)

Và khi đã làm lành, đã hành
động thiện, thời chờ đợi là quả
lành cho chúng ta:

“Khách lâu ngày ly hương,

An toàn từ xa về,

Bà con cùng thân hữu,

Hân hoan đón chào mừng.”

(Pháp Cú 219)



Hay:

“Cũng vậy các phước nghiệp,

Đón chào người làm lành,

Đời này đến đời sau,

Như thân nhân, đón chào.”

(Pháp Cú 220)

Và khi đã làm lành, đã tạo các
nghiệp hiền thiện, Ta có quyền
thốt lên nỗi niềm sung sướng an
vui sau đây:

“Nay vui, đời sau vui,

Làm phước, hai đời vui !

Nó vui, nó an vui,

Thấy nghiệp tịnh mình làm.”

(Pháp Cú 16)



Hay:

“Nay sướng, đời sau sướng,

Làm phước, hai đời sướng.

Nó sướng: ‘Ta làm thiện’,

Sanh cõi lành, sướng hơn.”

(Pháp Cú 18)

Và muốn cho niềm an vui
tồn tại lâu dài, muốn nuôi dưỡng
thiện nghiệp, người Phật tử cần
hướng thân nghiệp, khẩu nghiệp,
ý nghiệp về các việc lành:

“Bậc trí bảo vệ thân

Bảo vệ luôn lời nói,



Bảo vệ cả tâm tư,

Ba nghiệp khéo bảo vệ.”

(Pháp Cú 234)

Hay:

“Lời nói được thận trọng,

Tâm tư khéo hộ phòng,

Thân chớ làm điều ác,

Hãy giữ ba nghiệp tịnh,

Chúng đạo Thánh nhân dạy.”

(Pháp Cú 281)

Sau khi đã chỉ dạy lý thuyết về
hành động và nêu rõ con người
làm chủ nghiệp của mình và chịu



kết quả các hành vi thiện ác của mình, Đức Phật muốn cho con người ý thức rõ rệt bằng con người thật sự hoàn toàn làm chủ vận mệnh của mình, nên Ngài tuyên bố rõ ràng Ngài chỉ là Đạo Sư dẫn đường chỉ lối, không thể cứu rỗi hoặc làm thay cho ai, và con người phải tự chủ lấy mình, tự mình đi trên con đường giải thoát:

*“Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy người con đường.
Với trí, gai chướng diệt.”*

(Pháp Cú 275)



Hay:

*“Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác Ma.”*

(Pháp Cú 276)

Và do vậy con người phải tự nương tựa mình, tự mình thấp được lên mà đi:

*“Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác,
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.”*

(Pháp Cú 160)



Hay:

*“Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình.
Vậy hãy tự điều phục.
Như khách buôn ngựa hiền.”*

(Pháp Cú 380)

Và không có gì khó khăn hơn
người biết tự điều phục:

*“Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay tự điều phục.”*

(Pháp Cú 159)



Hay:

*“Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên
Người thợ mộc uốn ván.
Bậc tự điều, điều thân.”*

(Pháp Cú 145)

Chỉ có người biết tự điều, mới
tự mình xây dựng lên hòn đảo,
nước lụt không có thể ngập tràn:

*“Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự,
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn.”*

(Pháp Cú 25)



Hay:

*“Hãy tự làm hòn đảo,
Tĩnh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.”*

(Pháp Cú 238)

Và khi tự mình đã xây dựng
nổi hòn đảo, tự mình chiến thắng
mình, Đức Phật không tiếc lời tán
thán một người tự chiến thắng
như vậy:

*“Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma với Phạm Thiên,*



*Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.”*

(Pháp Cú 105)

Hay:

*“Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn.
Thật chiến thắng tối thượng.”*

(Pháp Cú 103)

Con đường đạo đã mở rộng
thênh thang. Các pháp môn đã
được giảng dạy, và con người tiến
dần trên lộ trình giải thoát giác



ngộ, đã thấy rõ hành lộ nào cần phải dẫn bước, giáo lý nào cần phải học hỏi, pháp môn nào cần phải hành trì:

*“Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.”*

(Pháp Cú 173)

Hay:

*“Lấy không giận, thắng giận,
Lấy thiện thắng không thiện,*



*Lấy thí thắng xan tham,
Lấy chơn thắng hư ngụy.”*

(Pháp Cú 320)

Con đường tu hành một khi đã mở rộng thời hạnh tu được trình bày dưới nhiều hình thức, dưới nhiều sắc thái:

*“Ai chận được phần nộ
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.”*

(Pháp Cú 222)



Đây là hạnh nhẫn nhục được
tán dương:

*“Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi.
Chịu đựng mọi phi báng,
Ác giới rất nhiều người.”*

(Pháp Cú 320)

Hiếu kính cha mẹ, cũng được
tán thán:

*“Vui thay, hiếu kính mẹ,
Vui thay, hiếu kính cha.
Vui thay, kính Sa-môn
Vui thay, kính Hiền Thánh.”*

(Pháp Cú 332)



Hạnh không phóng dật được
đề cập đến rất nhiều, vì có hạnh
không phóng dật, mới có thể bảo
vệ tự thân, mới siêng năng tinh
cần, mới có thể dẫn thân trên con
đường giải thoát:

*“Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.”*

(Pháp Cú 172)

Hay:

*“Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý.*



*Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.”*

(Pháp Cú 327)

Và với một số bài kệ liên tiếp, Ngài trực tiếp nhắc nhở các đệ tử Gotama, tức là các đệ tử của Ngài, những lời dạy thiết thực, đi đến tâm, thay đổi hẳn đời sống thường nhật bên ngoài, một khi mình ý thức được mình là đệ tử của Đức Phật, tức là mình phải nghe những lời dạy của vị Bậc Sư của mình, để tự sửa mình, để tự xứng đáng là đệ tử của một bậc giác ngộ, giải thoát:



“Đệ tử Gotama!

*Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.”*

(Pháp Cú 300)

Hay:

“Đệ tử Gotama!

*Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Thường niệm tưởng sắc thân.”*

(Pháp Cú 295)



Hay:

“Đệ tử Gotama!

Luôn luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường tưởng niệm Phật Đà!”

(Pháp Cú 296)

Hoặc:

“Đệ tử Gotama!

Luôn luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường tưởng niệm

Chánh Pháp.”

(Pháp Cú 297)



Hoặc:

“Đệ tử Gotama!

Luôn luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Thường tưởng niệm Tăng già.”

(Pháp Cú 298)

Hoặc:

“Đệ tử Gotama!

Luôn luôn tự tỉnh giác,

Vô luận ngày hay đêm,

Ý vui tu thiền quán!”

(Pháp Cú 301)



Các hạnh tu thật rất nhiều, các pháp môn rất là khác biệt, nhưng không một hạnh tu và pháp môn nào ra khỏi Giới Định Tuệ, hướng đi tuần tự duy nhất đưa đến giải thoát, hạnh tu liên hệ hỗ trợ đưa đến giác ngộ:

*“Sáng sáng thẩm xét kỹ,
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ Giới Định Tuệ.”*

(Pháp Cú 229)

Trước hết, nói về Giới và Định song tu!



*“Dầu sống một trăm năm,
Ác giới, không thiền định,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiền định.”*

(Pháp Cú 110)

Hay:

*“Người hằng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn.
Ách an tịnh, vô thượng.”*

(Pháp Cú 23)



Từ định, người tu tiên dần đến
trí tuệ:

*“Cũng vậy giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục.
Đệ tử bậc Chánh giác,
Sáng ngời với Tuệ Trí.”*

(Pháp Cú 59)

Hay:

*“Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn,
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.”*

(Pháp Cú 170)



Nhưng thật sự, thiền định và
trí tuệ không bao giờ rời nhau:

*“Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ.
Người có thiền, có tuệ,
Nhất định gần Niết Bàn.”*

(Pháp Cú 372)

Hay:

*“Tu thiền trí tuệ sanh,
Bỏ thiền, trí tuệ diệt;
Biết còn đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,*



*Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.”*

(Pháp Cú 282)

Hoặc:

*“Ai sống một trăm năm
Ác tuệ, không thiên định,
Tốt hơn sống một ngày,
Có tuệ, tu thiên định!”*

(Pháp Cú 111)

Và con đường Giới Định Tuệ cuối cùng cũng dẫn khách lữ hành dần thân trên đạo lộ giải thoát, tiến dần đến Niết bàn, đích



cứ cánh của mọi con đường, một trạng thái an lành giải thoát chờ đợi người lữ hành:

*“Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.”*

(Pháp Cú 88)

Hay:

*“Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.”*

(Pháp Cú 226)



Hoặc:

*“Đói ăn, bệnh tối thượng
Các hành, khổ tối thượng.
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.”*

(Pháp Cú 203)

Hoặc:

*“Không bệnh, lợi tối thượng!
Biết đủ, tiền tối thượng!
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng.
Niết Bàn, là tối thượng.”*

(Pháp Cú 204)



Chúng ta đã được Đức Phật khuyên nên bỏ ác làm lành, nên tin ở hành động và tự nhận mình là chủ nhân của nghiệp. Ngài lại dạy cho chúng ta, con đường Giới Định Tuệ đưa đến Niết Bàn, mục đích cuối cùng của sự tu hành giải thoát. Nhưng Đức Phật cũng không quên nhấn mạnh vào một vài đặc điểm của đạo Phật, sự sai khác giữa người trí và người ngu, giá trị của Chánh pháp do đức Phật tuyên thuyết, và sự sung sướng của những vị đã thâm nhuần diệu pháp! Đạo Phật là đạo



đổi trị với vô minh tức là đổi trị
với kẻ ngu, nên tập Pháp Cú này
để dành trọn một phẩm để đề cập
đến hạng người này.

Trước hết, người ngu là người
chịu đau khổ nhiều nhất, chịu
luân hồi sanh tử dài nhất:

*“Đêm dài cho kẻ thức
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu
Không biết chọn diệu pháp.”*

(Pháp Cú 60)

Hay:

*“Người ngu nghĩ là ngọt
Khi ác chưa chín muồi;*



*Ác nghiệp chín muồi rồi,
Người ngu chịu khổ đau.”*

(Pháp Cú 69)

Hoặc:

*“Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa chưa đông ngay.
Cháy ngầm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy.”*

(Pháp Cú 71)

Vì là ngu si thiếu trí, người
ngu có những hành vi sai trái,
những tham muốn không tốt đẹp
nhất là về ăn uống:



*“Người ưa ngu, ăn lớn,
Nằm lẫn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.”*

(Pháp Cú 325)

Tiếp đến là người ngu tham
giàu sang:

*“Tài sản hại người ngu,
Không người tìm, bờ kia.
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.”*

(Pháp Cú 355)



Đến khi danh lợi đến với kẻ
ngu, thật là đại bất hạnh cho kẻ
vô trí ấy, vì kẻ ngu tham danh
nhiều chừng nào càng gặp nhiều
nguy hiểm:

*“Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan!”*

(Pháp Cú 72)

Vì là ngu si vô trí, không biết
phân biệt chánh, tà, chơn, ngụy,
nên kẻ ngu hay lựa chọn những
pháp môn sai lầm để hành trì,



và thật sự không gì lạ nếu kẻ
ngu thường chọn các khổ hạnh
để tu trì:

“Kẻ ngu có ích gì,

Bện tóc với da dê.

Nội tâm toàn phiền não,

Ngoài mặt đánh bóng sưng.”

(Pháp Cú 394)

Chính kẻ ngu, vì ngu si miệt
thị giáo pháp bậc A La Hán, và do
vậy chịu sự hoại diệt:

“Kẻ ngu si miệt thị,

Giáo pháp bậc La Hán,



Bạc Thánh, bạc Chánh mạng.

Chính do ác kiến này,

Như quả loại cây lau,

Mang quả tự hoại diệt.”

(Pháp Cú 164)

Và cũng vì ngu si, kẻ vô trí làm
hại các người hiền thiện và hại
người không đến đâu, trở lại mình
bị hại, như ngược gió tung bụi:

“Hại người không ác tâm,

Người thanh tịnh, không uế,

Tội ác đến kẻ ngu,

Như ngược gió tung bụi!”

(Pháp Cú 125)



Kẻ ngu si, vì thiếu hiểu biết,
nên đã biến tự ngã thành kẻ thù
với chính mình:

“Người ngu si, thiếu trí,

Tự ngã thành kẻ thù.

Làm các nghiệp không thiện,

Phải chịu quả đắng cay.”

(Pháp Cú 66)

Và cũng vì không hiểu tự ngã,
kẻ ngu càng chắt chứa sự ưu não
lên tự thân:

“Con tôi, tài sản tôi,

Người ngu sanh ưu não.



Tự ta, ta không có,

Con đâu, tài sản đâu?”

(Pháp Cú 62)

Và thật không gì nguy hiểm
bằng, khi người ngu tưởng rằng
mình có trí:

“Người ngu nghĩ mình ngu,

Nhờ vậy thành có trí.

Người ngu tưởng có trí,

Thật xứng gọi chí ngu!”

(Pháp Cú 63)

Và cũng vì ngu si, nên dầu có
sống trọn đời với kẻ trí, người



ngu cũng không san sẻ được kết quả tốt lành khi thân cận kẻ trí:

“Người ngu, dầu trọn đời,

Thân cận người có trí,

Không biết được Chánh pháp,

Như muông với vị canh.”

(Pháp Cú 64)

Và chúng ta không lấy làm lạ, khi Đức Phật khuyên chúng ta nên sống một mình cô độc, còn hơn là bạn với kẻ ngu:

“Tốt hơn sống một mình,

Không người ngu kết bạn,



Độc thân không ác hạnh,

Sống vô tư vô lự,

Như voi sống rình voi.”

(Pháp Cú 330)

Hay:

“Tìm không được bạn đường,

Hơn mình hay bằng mình,

Thà quyết sống một mình,

Không bạn bè kẻ ngu.”

(Pháp Cú 61)

Đối diện với kẻ ngu là bậc trí và cả một phẩm đề dành nói đến bậc trí (Pandita) trong bộ Kinh



Pháp Cú, và chúng ta sẽ thấy thật không dễ gì được gặp bậc hiền trí, và chỗ nào bậc hiền trí sanh, chỗ ấy được an lạc:

*“Khó gặp bậc Thánh nhân,
Không phải đâu cũng có.
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.”*

(Pháp Cú 193)

Người trí được ví như con ngựa phi nước đại, bỏ sau con ngựa yếu hèn kém để nêu rõ hạnh tinh cần của người trí giữa các người phóng dật, và sự tỉnh thức của người trí giữa quần mê:



*“Tinh cần giữa phóng dật,
Tỉnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn.”*

(Pháp Cú 29)

Kẻ trí thấy rõ cần phải nhiếp phục tự thân:

*“Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.”*

(Pháp Cú 80)



Và sau đây là hạnh của người
trí giữa khen chê ở đời:

“N hư t ả ng đ ả k iên c ố,

Không gió nào lay động,

Cũng vậy giữa khen chê,

Người trí không giao động.”

(Pháp Cú 81)

Nói cho rõ hơn, người trí có
một lựa chọn dứt khoát giữa thiện
và bất thiện:

“Kẻ trí bỏ pháp đen,

Tu tập theo pháp trắng,



*Bỏ nhà sống không nhà
Sống viễn ly, khó lạc.”*

(Pháp Cú 87)

Và đứng trước lạc khổ ở đời,
người hiền trí không cảm thấy
vui buồn:

“Người hiền bỏ tất cả,

Người lành không bàn dục,

Dầu cảm thọ lạc khổ,

Bậc trí không vui buồn.”

(Pháp Cú 83)

Và người trí chỉ giáo hoá
người khác, khi tự mình đã có
một vị trí thích đáng:



*“Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng,
Sau mới giáo hoá người,
Người trí khỏi bị nhiễm.”*

(Pháp Cú 158)

Sau đây là một hình ảnh thật linh động, thật tuyệt diệu diễn tả người trí thắng ma quân như con chim thiên nga bay liệng giữa hư không:

*“Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.”*

(Pháp Cú 175)



Người trí đã sáng suốt, đã có hạnh tuyệt diệu như vậy, nên Đức Phật khuyên chúng ta nên thân cận kẻ trí hơn bạn bè kẻ ngu:

*“Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.”*

(Pháp Cú 78)

Hay:

*“Không gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung hạnh lành
Như vua bỏ nước bại;*



*Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.”*

(Pháp Cú 329)

Do vậy:

*“Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, thánh nhân.
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.”*

(Pháp Cú 208)



Vì người trí:

*“Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi nếm vị canh.”*

(Pháp Cú 65)

Và muốn cho chúng ta có một nhận xét và một phân biệt rõ ràng giữa người trí và người ngu, Đức Phật đã dùng một số bài kệ trong Kinh Pháp Cú để chúng ta thấy rõ ràng giữa người trí và người ngu:

*“Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét bố thí,*



*Người trí thích bỏ thí,
Đòi sau, được hưởng lạc.”*

(Pháp Cú 177)

Một bên sống phóng túng, một
bên sống không phóng dật:

*“Chúng ngu si thiếu trí,
Chuyên sống dòi phóng dật,
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý.”*

(Pháp Cú 26)

Kẻ trí và người ngu nhìn đời
có khác nhau:

“Hãy đến nhìn đời này,



*Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.”*

(Pháp Cú 171)

Do vậy chung sống với người
ngu, chung sống với người trí là
cả một sự mâu thuẫn thái cực.

*“Chung sống với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn,
Khổ thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù,
Vui thay gần người trí,
Như chung sống bà con.”*

(Pháp Cú 207)



Và vì hai nếp sống khác nhau như vậy, nên bậc hiền trí có cái nhìn rất đặc biệt, rất sai khác đối với kẻ ngu si vô trí.

“Người trí đẹp phóng dật.

Với hạnh không phóng dật,

Leo lâu cao trí tuệ.

Không sâu nhìn khổ sâu.

Bậc trí đứng núi cao,

Nhìn kẻ ngu, đất bằng.”

(Pháp Cú 28)

Người muốn đi trên con đường giác ngộ giải thoát, cần phải học



hỏi tìm Chánh Pháp và như vậy chánh pháp giữ một vai trò rất quan trọng trong trách nhiệm hướng dẫn quần sanh. Chúng ta nhớ lại lời căn dặn của Đức Phật trong kinh Đại Bát Niết Bàn:

--“Này Ananda, hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình y tựa chính mình, chớ y tựa người khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ tựa.”

Và do vậy đức Phật đã dùng rất nhiều câu kệ để tán thán Diệu Pháp:



*“Những ai hành trì Pháp,
Theo chánh pháp khó dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.”*

(Pháp Cú 86)

Hay:

*“Vị tỷ kheo thích Pháp,
Mến Pháp suy tư Pháp,
Tâm tư niệm chánh pháp,
Sẽ không rời Chánh pháp.”*

(Pháp Cú 364)



Hoặc:

*“Nhu hồ nước sâu thăm,
Trong sáng không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe Chánh Pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.”*

(Pháp Cú 82)

Chánh pháp là con đường hướng dẫn người tu hành. Đây là những giáo lý căn bản của đạo Phật được tóm tắt gọn ghẽ sau đây:

*“Tám ngành, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,*



*Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.”*

(Pháp Cú 273)

Hay:

*“Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiếp thanh tịnh.
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.”*

(Pháp Cú 274)

Và tiếp theo là một số câu
kệ tán thán lợi ích nghe được
Chánh pháp:



*“Ai sống một trăm năm,
Không thấy Pháp tối thượng,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được Pháp tối thượng.”*

(Pháp Cú 115)

Hay:

*“Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử.
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.”*

(Pháp Cú 114)



Hay:

*“Ai sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.”*

(Pháp Cú 113)

Hoặc:

*Dẫu nói ngàn ngàn lời
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong được tịnh lạc.”*

(Pháp Cú 101)



Và cũng đề nhắc nhở các đệ tử chớ có quên hành trì Pháp, vì Pháp là để hành trì chớ không phải để nói suông, với bài kệ sau này, đức Phật cảnh giác chúng ta:

“Không phải vì nói nhiều,

Mới xứng danh trì Pháp.

Những ai tuy nghe ít,

Nhưng thân hành đúng Pháp.

Không phóng túng Chánh pháp.

Mới xứng danh trì Pháp.”

(Pháp Cú 259)



Và cuối cùng là một lời tán
thán pháp để kết thúc đoạn tán
dương Chánh pháp:

*“Pháp thí, thắng mọi thí,
Pháp vị, thắng mọi vị,
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ,
Ái diệt, thắng mọi khổ.”*

(Pháp Cú 354)

Câu kệ này cũng nói lên ý
niệm lạc quan yêu đời của đạo
Phật, một Đạo vẫn luôn luôn bị
hiểu lầm là chán đời và yếm thế.
Vì làm sao người Phật tử có thể
chán đời, ghét đời được khi được

Chánh Pháp đem lại cho pháp hỷ,
như đã được khéo diễn tả trong
bài kệ sau đây:

*“Vui thay, già có giới!
Vui thay, tín an trú!
Vui thay, được trí tuệ!
Vui thay, ác không làm!”*

(Pháp Cú 333)

Hay:

*“Vui thay, bạn lúc cần,
Vui thay, sống biết đủ!
Vui thay, chết có đức!
Vui thay, mọi khổ đoạn!”*

(Pháp Cú 331)



Hoặc:

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù!
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù!”*

(Pháp Cú 197)

Hay:

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh giữa ốm đau!
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau!”*

(Pháp Cú 198)



Hay:

*Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn ràng!
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng!”*

(Pháp Cú 199)

Hoặc:

*“Vui thay, chúng ta sống,
Không gì gọi của Ta,
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm!”*

(Pháp Cú 200)



Cũng trong Kinh Pháp Cú này, chúng ta được chứng kiến một số phương pháp đức Phật đã dùng để thuyết pháp. Ở đây hai phương pháp được dùng nổi bật nhất, tức là phương pháp định nghĩa và phương pháp dùng các ví dụ.

Khi Đạo Phật ra đời và khi đức Phật bắt đầu thuyết pháp hành đạo, Ngài đã gặp phải một số rất đông các bậc Đạo sư khác, như Lục sư ngoại đạo, rất nhiều đoàn thể giáo phái khác biệt như các du sĩ ngoại đạo, tà mạng ngoại đạo, giáo phái thờ lửa, thờ rắn v.v...



Mỗi bậc Đạo sư đều có chúng đệ tử riêng biệt, có giáo lý riêng biệt, có phương pháp tu hành riêng biệt, có đoàn thể riêng biệt, nên một mặt đức Phật dùng những định nghĩa thật chính xác và rõ rệt để nói lên phần giáo lý pháp môn của mình, sai khác với ngoại đạo như thế nào; một mặt khác, đức Phật phải tìm hiểu thật chính xác giáo lý và phương pháp tu hành của các giáo phái ngoại đạo như thế nào, và với những danh từ các ngoại đạo thường dùng, đức Phật đem vào những định nghĩa thật



mới mẻ, thật chính xác, phù hợp với lập trường giáo lý và pháp môn của mình.

Đối với danh từ Muni, ẩn sĩ, mà chúng ta thường dùng để gọi đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni), đức Phật định nghĩa như sau:

“Từ bỏ các ác pháp,

Mới thật hiểu ẩn sĩ;

Ai thật hiểu hai đời,

Mới được gọi ẩn sĩ.”

(Pháp Cú 269)



Muni có nghĩa là im lặng, nhưng im lặng như ngu si đâu được gọi là ẩn sĩ. Mâu Ni phải là người có trí, biết đo lường cân nhắc phải trái:

“Im lặng nhưng ngu si.

Đâu được gọi ẩn sĩ!

Như người cầm cán cân,

Bậc trí chọn điều lành. (268)

Với danh từ Samara dịch âm là Sa-môn, đức Phật giải thích rất rõ ràng:

“Đầu trọc, không Sa môn

Nếu phóng túng, nói láo.



*Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa môn?”*

(Pháp Cú 264)

Với đạo Phật, Sa môn phải có
nghĩa là làm lắng dịu các ác pháp:

*“Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là Sa môn.”*

(Pháp Cú 265)

Và chỉ trong một bài kệ, đức
Phật đã định nghĩa Phạm Chí, Sa
môn và xuất gia:



*“Dứt ác gọi Phạm Chí,
Tịnh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi bậc xuất gia.”*

(Pháp Cú 388)

Riêng danh từ Hiền Thánh,
dùng để chỉ các bậc đã chứng
được bốn đạo, bốn quả, đức Phật
có những nhận định rất rõ ràng:

*“Còn sát hại sinh linh
Đâu được gọi Hiền Thánh!
Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh!”*

(Pháp Cú 270)



Hay:

“Không phải vì nói nhiều,

Mới xứng danh bậc Trí!

An ổn không oán sợ,

Thật đáng gọi bậc Trí!”

(Pháp Cú 258)

Đức Phật dùng cả một phẩm đề đề cập đến danh từ Bà-la-môn. Chúng ta đã thấy rõ, đối tượng mạnh mẽ nhất chống đối đức Phật và đạo Phật vẫn là các vị Bà-la-môn. Những vị trí này đã tạo thành một giai cấp thống trị, ngự trị và chi phối trên xã hội



Ấn độ, với ba tập Vedà xem như là Thánh kinh, với pháp môn tế tự, xem như là phương pháp độc nhất để loài người chấm dứt đau khổ, và với giai cấp khác phải phục vụ cho giai cấp này. Đức Phật đã khéo thay thế ba tập Vedà với Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng, đã bác bỏ pháp môn tế tự với 37 phẩm trợ đạo và chỉ chấp nhận những vị đủ hạnh đức trí đức mới là giai cấp tối thượng. Với những định nghĩa trên, Đức Phật đã đặt lại vị trí giai cấp của Bà-la-môn và dùng cả một phẩm đề nói để nói đến hạng người này.



Dưới con mắt đức Phật, Bà-la-môn phải như sau:

*“Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 411)

Hay:

*“Như nước trên lá sen.
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 401)



Hay:

*“Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm giữa, nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 406)

Hoặc:

*“Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu, không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 421)



Hoặc:

*“Bỏ trôi buộc loài người,
Vượt trôi buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 417)

Hoặc:

*“Ta không gọi Phạm chí,
Vì cha sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 396)



Hay:

*“Tu thiên, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn!”*

(Pháp Cú 386)

Với định nghĩa trên, chúng ta thấy một vị Bà-la-môn nào có khác gì một Phật tử tại gia hay xuất gia đang bước dần trên con đường giải thoát và giác ngộ, sống một nếp sống không khác gì các đệ tử Phật, hành trì các pháp môn không có xa lạ với 37 pháp



trợ đạo, và đạt đến những quả vị không sai khác với quả vị bậc Hiền Thánh. Như vậy, pháp môn đức Phật chọn lựa ở đây là một chiến lược định nghĩa, và một khi đối phương đã chấp nhận những định nghĩa này, thời đã có một sự hòa đồng trên mục đích cứu cánh cũng như trên phương pháp hành trì. Vị Bà-la-môn của Bà-la-môn giáo, khi đã chấp nhận định nghĩa của Sa Môn Gotama, đã đương nhiên trở thành những Bà-la-môn Phật tử.



Riêng đối với những danh từ tỷ kheo, đức Phật cũng dùng những danh từ chính xác để loại bỏ những tỷ kheo giả hiệu và để nêu lên các vị tỷ kheo chân chánh:

*“Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.”*

(Pháp Cú 267)

Hay:

*“Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,*



Vui thích nội thiên định

Độc thân, biết vừa đủ.

Thật xứng gọi Tỷ-kheo!”

(Pháp Cú 362)

Hoặc:

“Chỉ khát thực nhờ người,

Đâu phải là Tỷ-kheo!

Phải theo pháp toàn diện,

Khát sĩ không, không đủ.”

(Pháp Cú 266)

Và cuối cùng đề đề cao các vị
A-la-hán và chư Phật Như Lai,
đức Phật dùng một số bài kệ diễn



tả hình ảnh giải thoát và giác ngộ
của các ngài. Hạnh sống của vị
A-la-hán được diễn đạt như sau:

“Làng mạc hay rừng núi,

Thung lũng hay đồi cao,

La-hán trú chỗ nào,

Đất ấy thật khả ái.”

(Pháp Cú 98)

Hay:

“Đích đã đến, không sầu,

Giải thoát ngoài tất cả,

Đoạn trừ mọi buộc ràng,

Vị ấy không nhiệt não.”

(Pháp Cú 90)



Hay:

“Người tâm ý an tịnh,

Lời an, nghiệp cũng an,

Chánh trí chơn giải thoát,

Tịnh lạc là vị ấy.”

(Pháp Cú 96)

Hoặc:

“Bỏ phần nộ, ly mạn,

Vượt qua mọi kiết sử,

Không chấp trước danh sắc.

Khổ không theo vô sản”.

(Pháp Cú 221)



Và đối với các đức Phật Như
Lai, hình ảnh các ngài được diễn
tả thật sáng ngời và thanh thoát:

“Mặt trời sáng ban ngày,

Mặt trăng sáng ban đêm.

Khí giới sáng Sát ly,

Thiên định sáng Phạm chí,

Còn hào quang đức Phật,

Chiếu sáng cả ngày đêm!”

(Pháp Cú 387)

Hay:

“Ai giải tỏa lưới tham,

Ái phục hết dặt dãn,



*Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích!”*

(Pháp Cú 180)

Một phương pháp nữa, đức Phật dùng rất biệt tài trong tập Pháp cú là sử dụng các ví dụ rất linh động và chính xác.

Trước hết, các ví dụ xác chứng điều đức Phật vừa nói, nhiều khi lại giải thích thêm cho cặn kẽ hơn, và điểm đặc biệt là gọi lên những hình ảnh linh động và chính xác để gợi cảm cho người

nghe, và đức Phật thật sự đã thành công trong nghệ thuật dùng ví dụ này. Các ví dụ ngài dùng thật vô cùng phong phú và khác biệt. Riêng Kinh Pháp Cú gồm 423 bài kệ này đã có đến 86 ví dụ, và như vậy là mỗi năm câu kệ là có ít nhất một ví dụ. Và các ví dụ, Ngài dùng vừa phong phú linh động, chính xác và giản dị, vừa trong sáng, hướng thượng, hiền thiện và giải thoát. Tất cả những sắc thái này, những hình ảnh này không những đem lại giá trị văn chương cho tác phẩm kinh Pháp



Cú, hơn nữa chính các hình ảnh do các ví dụ xây dựng lên, đã đem lại cho người đọc cũng như cho người nghe những cảm hứng, những cảm giác đột xuất và đột biến, hồn nhiên và trong sáng, thanh thoát và hiền thiện, làm nổi bật giá trị tác phẩm này.

Trước hết là đặc tính xác thực và phong phú của những ví dụ đức Phật dùng. Diễn tả kẻ ưa ngủ, ăn nhiều, nằm lẫn lóc qua lại, đức Phật dùng hình ảnh con heo no bụng:

*“Người ưa ngủ ăn lớn,
Nằm lẫn lóc qua lại,*



*Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu, nhập thai mãi.”*

(Pháp Cú 325)

Diễn tả ái dục trói buộc người đắm say, đức Phật dùng những ví dụ như cây leo xiết cây Tala, như nhện sa lưới dẹt, như thỏ dại sa lưới, như cây chưa chặt đứt rễ, thật là chính xác và thiết thực:

*“Phá giới quá trầm trọng
Như cây leo bám cây
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.”*

(Pháp Cú 162)



Hay:

*“Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt
Người trí cắt trừ nó
Bỏ mọi khổ không màng.”*

(Pháp Cú 347)

Hoặc:

*“Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như cây leo,
Nhảy đời này, đời khác,
Như vượn tham quả rừng.”*

(Pháp Cú 334)



Tả ái dục, dùng hình ảnh cây leo, leo từ cành này qua cành khác, lại dùng hình ảnh con vượn, nhảy từ cây này qua cây khác, thật là quá tuyệt diệu, cả hai hình ảnh cô đọng trong một bài kệ 4 câu, 5 chữ.

*“Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới.
Do vậy vị Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham
Nên nhiếp phục ái dục.”*

(Pháp Cú 343)



Các ví dụ đức Phật dùng, vừa xác thực lại vừa giản dị cô đọng, cho nên các hình ảnh đức Phật dùng thật súc tích, thật gợi cảm. Như nói đến con người dần dần tiến đến già rồi chết, đức Phật ví dụ người chăn bò với cây gậy lừa đàn bò ra bãi cỏ, già và chết lừa người đi đến mạng chung:

“Với gậy người chăn bò,

Lừa bò ra bãi cỏ.

Cũng vậy, già và chết

Lừa người đến mạng chung.”

(Pháp Cú 135)



Nói đến ác nghiệp người ngu làm, trở lại nghiền nát người ngu, đức Phật dùng một hình ảnh thật là cô đọng nhưng cũng thật táo bạo, hình ảnh ngọc kim cương nghiền nát các loài châu báu:

“Điều ác tự mình làm,

Tự mình sanh , mình tạo,

Nghiền nát kẻ ngu si.

Như kim cương, ngọc báu.”

(Pháp Cú 161)

Trong nhiều ví dụ, chúng ta cũng nhận thấy đức Phật cũng là một nhà nghệ sĩ tài ba, những hình ảnh Ngài dùng có thể làm



cho nhiều nhà nghệ sĩ phải lắc đầu thán phục.

Khuyến khích gần gũi nương tựa bậc Hiền Thánh, đức Phật dùng hình ảnh mặt trăng noi theo, bước theo con đường của ngàn sao, con đường của giải ngân hà dắt đường chỉ lối cho muôn loài:

*“Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, thánh nhân.
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.”*

(Pháp Cú 208)

Diễn tả kẻ trí giải thoát khỏi đời này, đức Phật phác họa hình ảnh con thiên nga bay liệng giữa hư không, vượt lên trên những cảnh xấu xa của cuộc đời, chiến thắng đoàn ma quân bạo tàn hung ác:

*“Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.”*

(Pháp Cú 175)

Hình ảnh hoa sen thơm đẹp ý người nở lên trên đồng rác nhớp nhúa gợi ý cho chúng ta thấy rõ,

trong cuộc đời đầy ô trược, vẫn có những bậc chí thiện đứng lên trên, vươn lên trên, sáng chói và thơm đẹp:

“Như giữa đồng rác nhóp,

Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,

Thơm sạch, đẹp ý người.”

(Pháp Cú 58)

Thật không có hình ảnh nào vừa đẹp đẽ, vừa hương thơm, vừa đề cao giá trị con người bằng hình ảnh nhẹ nhàng thanh thoát như ví dụ hoa sen này!



Một trong những hình ảnh đức Phật thường dùng để nói lên lời dạy của mình, tức là hình ảnh trong sáng, chói sáng của các ví dụ, vì lời dạy của Ngài bao giờ cũng làm chói sáng, bừng sáng, rực sáng, tâm tánh hiền thiện của con người:

“Ai dùng các hạnh lành,

Làm xóa mờ nghiệp ác,

Chói sáng rực đời này,

Như trăng thoát mây che.”

(Pháp Cú 173)



Hay:

*“Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.”*

(Pháp Cú 172)

Hoặc:

*“Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.”*

(Pháp Cú 382)



Hình ảnh các ví dụ đức Phật dùng là những hình ảnh cởi mở giải thoát, phản ánh trung thực giáo lý hướng thượng, giải thoát, giác ngộ của Ngài.

Sau đây là hình ảnh một vị tu sĩ không có nhà cửa chùa chiền, cư xá riêng tư, như con ngỗng trời, rời bỏ hồ ao, bay liệng giữa hư không:

*“Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.”*

(Pháp Cú 91)



Hay:

*“Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liễu tri,*

Tự tại trong hành xử,

Không, vô tướng, giải thoát

Như chim giữa hư không,

Hướng chúng đi, khó tìm.”

(Pháp Cú 92)

Hoặc:

“Ai lậu hoặc đoạn sạch

Ăn uống không tham đắm,

Tự tại trong hành xử,



Không, vô tướng, giải thoát

Như chim giữa hư không,

Dấu chân thật khó tìm.”

(Pháp Cú 93)

Hình ảnh sau đây còn linh động hơn, hướng thượng hơn và cao đẹp hơn, hình ảnh con ngựa phi nước đại, vượt lên và bỏ xa phía sau các con ngựa hèn yếu đang chạy một cách mệt nhọc và chậm chạp. Hình ảnh này ví dụ với người trí siêng năng tinh cần giữa quần chúng biếng nhác, tiêu cực, tỉnh thức giác ngộ giữa quần chúng si ám mê ngủ:



*“Tĩnh cần giữa phóng dật,
Tĩnh thức giữa quần mê,
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn.”*

(Pháp Cú 29)

Hai hình ảnh tiếp theo là hai hình ảnh hết sức linh động và hướng thượng. Hình ảnh bậc hiền trí nhờ không phóng dật, leo lên được lầu cao trí tuệ, không có sầu muộn ưu tư, rời từ nơi lầu cao trí tuệ ấy, nhìn xuống kẻ ngu đang chạy qua chạy lại, sầu khổ, dưới đất bằng thấp kém:



*“Người trí dẹp phóng dật,
Với hạnh không phóng dật.
Leo lầu cao trí tuệ,
Không sầu nhìn kẻ sầu
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu đất bằng.”*

(Pháp Cú 28)

Hình ảnh sau đây cũng là hình ảnh cuối cùng nói về các ví dụ, nói lên vừa đặc tính hướng thượng, vừa đặc tính siêu thoát của những ví dụ Ngài dùng. Đây là hình ảnh vị Tỷ kheo chèo thuyền lướt tới,



thuyền được tát cho nhẹ nước, và nhờ vậy thuyền lướt tới mau nhẹ nhàng. Hình ảnh này diễn tả vị tỷ kheo đoạn trừ được lòng tham và sân hận và đang mau chóng tiến dần đến mục đích Niết Bàn an lạc:

*“Tỷ kheo tát thuyền này,
Thuyền không nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết Bàn!”*

(Pháp Cú 369)

Và Niết Bàn tự nhiên là cảnh giới đang đợi chờ các bậc hiền



thiện, Niết Bàn tự nhiên là hình ảnh đang chói sáng mọi tâm tư hướng thượng.

Kính thưa quý vị,

Trong hơn một tiếng đồng hồ, chúng tôi đã cố gắng giới thiệu Kinh Pháp Cú (Dhammapada) cho quý vị với 423 bài kệ giản dị và tươi đẹp, với nội dung lành mạnh, trình bày những giáo lý căn bản nguyên thủy, những nếp sống và các pháp môn hành trì, và cuối cùng chúng tôi có đề cập đến hai phương pháp định nghĩa



và ví dụ đức Phật đã dùng trong tập Pháp Cú này.

Thật sự Kinh Pháp Cú này được hoan nghênh khắp hoàn cầu và được dịch ra nhiều thứ tiếng khắp cả năm châu là vì kinh này đã diễn tả được và làm nổi bật lên những đức tánh giản dị và cô đọng, trong sáng và hướng thượng, hiền thiện và giải thoát mà một tác phẩm chứa đựng chân lý phải được đầy đủ súc tích. Kinh Pháp Cú này sở dĩ được tán thưởng là vì đã chứa đựng rất đầy đủ những giáo lý căn bản nguyên



thủy của Đạo Phật. Kinh này sở dĩ được mến chuộng và được rất nhiều người học thuộc lòng là nhờ những ví dụ phong phú trong sáng và linh động, những câu kệ gọn ghẽ và âm điệu đã để lại trong tâm tư người đọc cũng như người nghe rất nhiều tình cảm nhẹ nhàng và thanh thoát. Hơn tất cả, kinh này được hàng vạn người tôn kính và yêu quý vì kinh này gồm toàn những lời dạy của đức Phật và lời dạy của Ngài bao giờ cũng đem đến hạnh phúc và an lạc cho tất cả mọi loài và mọi người:



*“Pháp thí, thắng mọi thí,
Pháp vị, thắng mọi vị,
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ,
Ái diệt, thắng mọi khổ.”*

(Pháp Cú 354)

Và chúng ta, các Phật tử, các bạn của đạo Phật và các bạn hâm mộ đạo lý qui tụ hôm nay đón mừng đại lễ Phật Đản, là để nói lên sự ngưỡng mộ, lòng hân hoan và sự vui sướng của chúng ta cũng nói lên sự qui ngưỡng kính trọng của chúng ta đối với chánh pháp mà kinh Pháp Cú này là một hình ảnh tượng trưng tốt đẹp nhất.



Nam Mô Bổn Sư Thích Ca
Mâu Ni Phật.

Thích Minh Châu
Thiền Viện Vạn Hạnh,
Sài Gòn, 1977



